

## GIÁ TRỊ LỊCH SỬ TRONG TƯ TƯỞNG CỦA NGUYỄN TRÃI VỀ NHÂN DÂN

HỒ THỊ HÀ\*

*Nguyễn Trãi, hiệuỨc Trai (1380-1442) – là anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Công lao và sự nghiệp vĩ đại nhất của Nguyễn Trãi là suốt đời vì nước vì dân. Tư tưởng triết học của Nguyễn Trãi về nhân dân không chỉ là sự kế thừa tư tưởng tiến bộ của dân tộc, mà còn sáng tạo, phát triển lên một tầm cao mới. Tư tưởng của ông đã góp phần quan trọng giúp cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ XV đi tới thắng lợi. Ngày nay, tư tưởng của ông vẫn để lại những bài học có giá trị, đặc biệt trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam.*

*Từ khóa:* Nguyễn Trãi, tư tưởng về nhân dân, giá trị lịch sử

*Nhận bài ngày: 14/4/2018; đưa vào biên tập: 16/4/2018; phản biện: 20/4/2018; duyệt đăng: 4/5/2018*

### 1. MỞ ĐẦU

Nguyễn Trãi (1380-1442) là nhà chính trị, nhà quân sự tài năng và nhà tư tưởng kiệt xuất của Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XV. Nguyễn Trãi đã có nhiều tác phẩm khái quát được những vấn đề có tính quy luật của công cuộc cứu nước và dựng nước, vừa có tác dụng to lớn đối với xã hội đương thời, vừa góp phần quan trọng vào tiến trình lịch sử tư tưởng triết học Việt

Nam. Nói về Nguyễn Trãi, Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: “Nguyễn Trãi, người anh hùng dân tộc, văn võ song toàn, văn là chính trị, chính trị cứu nước cứu dân, nội trị, ngoại giao, “mở nền thái bình muôn thừa, rửa nỗi thẹn ngàn thu” (*Bình Ngô đại cáo*), võ là quân sự: chiến lược và chiến thuật, “yếu đánh mạnh, ít địch nhiều,... thắng hung tàn bằng đại nghĩa” (*Bình Ngô đại cáo*); văn và võ đều là vũ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm đao” (Phạm Văn Đồng, 1962).

\* Trường Đại học Cần Thơ.

Tư tưởng của Nguyễn Trãi được thể hiện trong nhiều tác phẩm lớn để lại cho đời sau, như: *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*, *Ức Trai thi tập*, *Quốc âm thi tập*, *Dư địa chí*, *Lam Sơn thực lục*, *Ngọc đường di cáo*, *Luật thư*, *Giao tự đại lễ*, *Thạch khách hồ*, *Phù núi Chí Linh*, *Chuyện cũ về Bể Hồ tiên sinh* và một số bài chiếu, biểu mà ông đã thay Lê Thái Tổ viết.

Tư tưởng triết học của Nguyễn Trãi là một bộ phận cấu thành, đánh dấu giai đoạn phát triển quan trọng trong lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam. Nó thể hiện tư duy sâu rộng, nhạy bén của ông trước những biến động ở thời Trần - Hồ và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Trong hệ tư tưởng triết học Nguyễn Trãi, tư duy của ông được thể hiện trên nhiều vấn đề, như: tư tưởng về thiên mệnh, trời đất và con người; tư tưởng về nhân nghĩa, nhân dân, về thời thế, về quốc gia, dân tộc. Trong đó, tư tưởng về nhân dân và vai trò của nhân dân giữ vị trí quan trọng, xuyên suốt cả cuộc đời và sự nghiệp của ông. Nó không chỉ là kim chỉ nam - quyết định thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, mà còn để lại cho hậu thế giá trị lịch sử to lớn, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam.

## **2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG CỦA NGUYỄN TRÃI VỀ NHÂN DÂN VÀ VAI TRÒ CỦA NHÂN DÂN**

### **2.1. Quan niệm về dân**

Vượt lên các nhà trí thức Nho học đương thời, Nguyễn Trãi là người đầu tiên trong lịch sử có những nhận thức

mới về dân. Với dân, Nguyễn Trãi luôn có cái nhìn thân thiện, gần gũi, yêu thương từ đáy lòng. Dân được Nguyễn Trãi nhắc đến khá nhiều trong các tác phẩm. Điềm lại các tác phẩm của Nguyễn Trãi còn lưu giữ đến ngày nay, chúng ta thấy có đến 155 chữ “dân” không kể các từ đồng nghĩa, mà cổ văn thường dùng, như: “manh lệ”, “bách tính”, “sinh linh”, “xích tử”. Quan niệm về dân của ông đã được hình thành từ chính hiện thực cuộc sống mà ông đã trải qua lúc niên thiếu ở Côn Sơn, Nhị Khê, từ những tháng ngày ông cùng Lê Lợi lãnh đạo nhân dân chống giặc Minh xâm lược, cùng với nghĩa quân Lam Sơn “nắm mật nằm gai” chiến đấu gian khổ. Tư tưởng về nhân dân của ông được thể hiện ở bốn mặt sau:

*Thứ nhất:* trong tư tưởng của Nguyễn Trãi, dân là lực lượng lớn nhất của xã hội, bao gồm: sĩ, nông, công, thương. Cả bốn hạng người này đang vất vả lao động, làm ra của cải để duy trì cuộc sống cho xã hội, kể cả những người phu xe ngoài chợ đang nhọc nhằn kiếm kế sinh nhai. Họ đều là con dân đất Việt, là bề tôi của vua, nên cần phải được nhà vua quan tâm, chăm sóc. Như ông nói: “Bốn dân nghiệp có cao cùng thấp, Đều hết làm tôi thánh thượng hoàng” (Viện Sử học 1976: 199).

*Thứ hai:* dân chính là những người ở tận đáy cùng của xã hội và bị bóc lột nặng nề. Dân ở phương diện này được Nguyễn Trãi nhắc tới nhiều nhất. Trong các tác phẩm của mình, ông đã

bộc lộ quan điểm này với một thái độ và tình cảm đặc biệt. Sinh ra và lớn lên trong bối cảnh đất nước biến động: từ sự suy vong của nhà Trần đến cuộc đổi mới của Hồ Quý Ly, tiếp đến là cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo của quân Minh, Nguyễn Trãi đã chứng kiến cảnh nhân dân bị đẩy vào con đường cùng khổ, còn tầng lớp quan lại mãi vơ vét cho riêng mình, không chăm lo tới quyền lợi của dân, chỉ biết “lấy gian trí để hiếp lòng dân... Gia dĩ thuế mà phiền, giao dịch nặng, luật pháp ngặt, hình phạt nghiêm. Chỉ vụ ích kỷ phì gia, chẳng nghĩ khổ dân hại nước” (Viện Sử học, 1976: 281). Khi nước mất, nhà tan, dân chúng càng khổ cực trăm bề, những “dân đen” bị “thui trên lò bạo ngược”, những “con đở” bị “hãm trong hố tai ương” (Viện Sử học, 1976: 77). Với quan niệm trên, Nguyễn Trãi đã không đứng trên lập trường của tầng lớp quan lại để nói về dân, mà ông đã thực sự đứng vào hàng ngũ của những người thương dân để nói lên nỗi lòng của họ, chia sẻ nỗi khổ cùng họ, để thấy đó là những số phận đáng thương nhất trong xã hội.

*Thứ ba:* theo Nguyễn Trãi, dân còn là đồng đạo những con người nghèo khổ dám đứng lên vì đất nước, là “tứ phương manh lệ” về tụ nghĩa ở Lam Sơn, họ hưởng ứng, ủng hộ và chiến đấu trực tiếp dưới ngọn cờ khởi nghĩa Lam Sơn, không phân biệt giai cấp, thành phần, một lòng cùng chiến đấu vì mục tiêu độc lập cho dân tộc: “*Dựng gậy làm cờ, dân chúng bốn phương tụ*

*hợp. Hòa rượu cùng uống, binh sĩ một dạ cha con* – Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tụ tập. Đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm” (Viện Sử học, 1976: 79).

*Thứ tư:* dân theo quan niệm Nguyễn Trãi không chỉ là con dân đất Việt, mà được mở rộng ra, vượt khỏi biên giới quốc gia. Qua rất nhiều bức thư Nguyễn Trãi gửi cho Vương Thông - tướng của nhà Minh đang thống trị nước ta, có thể thấy nhận thức, tư duy của ông có sự nâng dần cấp độ. Nguyễn Trãi không đánh đồng bản chất giữa bè lũ xâm lược với nhân dân Trung Quốc. Ông đã nhắc tới nỗi khổ mà người dân Trung Hoa đang phải gánh chịu do triều đình nhà Minh tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa. Ngoài ra, với trái tim vô cùng nhân hậu, quan niệm về nhân dân của Nguyễn Trãi còn bao gồm cả những hàng binh vốn từ đội ngũ của quân xâm lược.

Như vậy, trong tư tưởng của Nguyễn Trãi, khái niệm “dân” được diễn đạt dưới nhiều phương diện khác nhau, họ là những người bình dị nhất trong xã hội, là các hiền sĩ, là “dân đen”, “con đở”, những nô tỳ, nông dân, người lao động cùng khổ đang chịu thiệt thòi nhất trong xã hội, nhưng đồng thời cũng là lực lượng đông đảo nhất tham gia chiến đấu giành độc lập. Tư tưởng này của Nguyễn Trãi đã vượt qua những hạn chế trong ý thức hệ của Nho giáo, trở thành tư tưởng vĩ đại nhất trong lịch sử tư tưởng Việt Nam thời quân chủ.

## 2.2. Quan niệm về vai trò của nhân dân

Trước Nguyễn Trãi chưa có nhân vật lịch sử nào nói về vai trò và sức mạnh của nhân dân. Trần Quốc Tuấn trong bài *Hịch Tướng sĩ* chống Nguyên Mông của mình cũng không có một câu nào nói đến nhân dân mà chỉ động viên tướng sĩ, quan lại và quý tộc Trần. Còn với Nguyễn Trãi, nhận thức mới về dân của ông đi kèm với quan niệm mới về vai trò của nhân dân.

Một là, nhân dân là người nuôi sống toàn xã hội. Xã hội muốn tồn tại và phát triển trước hết là nhờ sản xuất vật chất. Lịch sử của xã hội là lịch sử phát triển sản xuất vật chất, mà lực lượng tham gia sản xuất vật chất trong xã hội không ai khác chính là quần chúng nhân dân. Vì vậy, Nguyễn Trãi đã nhìn thấy vai trò của nhân dân, trước hết là những người đang hàng ngày “vun đất ải, luống mừng tươi” (Viện Sử học, 1976: 398), tạo ra của cải để nuôi sống xã hội. “Dân chúng” vẫn luôn được ông nhắc tới, đề cao ngay khi kháng chiến đã thành công, đất nước đã giành được độc lập và bước vào xây dựng cuộc sống mới. Nguyễn Trãi nhận thức được rằng lực lượng làm ra thóc gạo, cơm ăn, áo mặc là nhân dân; điện ngọc cung vàng của vua chúa cũng đều do mồ hôi nước mắt của nhân dân xây nên. Những thành quả giá trị vật chất và tinh thần mà con người đạt được đều chủ yếu do công sức của nhân dân tạo thành, “quy mô lớn

lao lộng lấy, đều là sức lao khổ của nhân dân” (Viện Sử học, 1976: 196). Chính xuất phát từ suy nghĩ như vậy, nên khi đã làm quan trong triều đình, được hưởng lộc của vua ban, Nguyễn Trãi vẫn nghĩ đến nhân dân, những người dãi nắng dầm mưa, lao động cực nhọc. Nếu trong lịch sử Việt Nam, có những vị tướng như Trần Khánh Dư từng nói rằng “Tướng là chim ưng, dân lính là vịt, dùng vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ” (Nguyễn Đăng Thục, 1991, tập 6: 292), thì Nguyễn Trãi lại luôn căn dặn lòng mình “ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày” (Viện Sử học, 1976: 445).

Hai là, nhân dân là yếu tố quyết định sự hưng vong của một đất nước, một triều đại. Dân mạnh thì nước còn, nước phát triển, dân yếu thì nước yếu, có khi mất nước, không có dân thì không có nước. Nhân dân là lực lượng to lớn, có sức mạnh vô địch và vô tận “như nước”, có thể lật đổ chế độ này, lập ra một chế độ khác, “Lật thuyền mới rõ sức dân như nước” (Viện Sử học, 1976: 281). Đồng thời, dân còn có vai trò quyết định đối với sự phát triển của lịch sử. Những người dân tưởng chừng như vô danh, nhưng chính họ sẽ giúp cho vua xây dựng một xã hội thịnh trị. Trong bài *Chiếu cầu hiền* tài mà Nguyễn Trãi đã thay Lê Lợi viết, ông là người đầu tiên nhận ra trong dân còn có những “người hào kiệt nấu ở nơi đồng nội, lẫn ở hàng binh lính” (Viện Sử học, 1976: 194). Họ là điển hình cho tài năng và trí tuệ của nhân dân, sẽ giúp

nhà vua lật đổ ách xâm lược, xây dựng một xã hội tốt đẹp. Điều này đã được chứng minh trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn: nhờ có sự giúp đỡ của nhân dân, của các hào kiệt bốn phương mà nghĩa quân ngày một mạnh lên, đi đến thắng lợi. Hào kiệt ở nhân dân mà ra. Cho nên theo ông, không bao giờ được quên nhân dân, bởi “chở thuyền cũng là dân mà lật thuyền cũng là dân”.

Vì vậy, để hợp lòng dân và huy động được sức mạnh to lớn của dân, được dân ủng hộ, tin tưởng thì lãnh tụ phải thi hành đường lối, chính sách nhân nghĩa với dân. Dân chính là gốc của nước, giữ được gốc ấy thì mới giữ được nước. Với Nguyễn Trãi, yên dân là mục đích cốt yếu của đường lối cai trị: “Việc nhân nghĩa cốt ở an dân, quân điều phạt phải lo trừ bạo” (Viện Sử học, 1976: 77). Tư tưởng nhân nghĩa, đường lối vì dân mà ông đưa ra đòi hỏi nhà vua phải lo trừ “bạo”, tức lo diệt quân cướp nước. Người lãnh tụ phải làm sao cho “hợp trời, thuận người”, mới có thể lấy “yếu chống mạnh”, lấy “ít địch nhiều”, lấy “đại nghĩa thắng hung tàn”, lấy “chí nhân thay cường bạo” (Viện Sử học, 1976: 79).

Ba là, nhân dân là động lực chính, lực lượng chủ yếu trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc nói riêng và sự vận động, phát triển của lịch sử nói chung. Chính kể sách vì dân mà chiến đấu, nên cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã nhanh chóng thu hút được toàn dân tham gia. Nhờ có sự ủng hộ, đồng

lòng của nhân dân mà cuộc khởi nghĩa đã đi đến thắng lợi. Dân không chỉ là người tham gia đông đảo nhất, mà còn là hậu phương cung cấp nguồn lực vật chất cho cuộc kháng chiến. Khi cuộc khởi nghĩa gặp khó khăn về người thì nhân dân khắp nơi một dạ cha con cùng nhau thề chiến đấu dưới ngọn cờ nhân nghĩa, “không đâu là không hưởng ứng góp sức nhau cùng tiến công đồn lũy giặc, đốt phá doanh trại giặc” (Viện Sử học, 1976: 126). Khi cuộc khởi nghĩa thiếu thốn về lương thực thì nhân dân khắp nơi “đua nhau mang trâu rượu” để dùng vào việc quân và khi nghĩa quân giành được thắng lợi thì dân lại là người động viên, cổ vũ mạnh nhất: “nhân dân chẳng ai là không mừng, tranh nhau đem trâu rượu ra đón khao để cung vào quân dụng. Vua đem chia cho tướng và binh lính. Ai nấy đều nức lòng, nguyện ra sức liều chết” (Viện Sử học, 1976: 58). Chính từ thực tiễn lẫn lộn cùng nhân dân trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đã đưa Nguyễn Trãi đi đến tổng kết có tính quy luật về vai trò của nhân dân. Trong *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi đã chỉ ra rằng, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là cuộc khởi nghĩa của toàn dân, sức mạnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn không chỉ đơn thuần là sức mạnh của những người lãnh đạo, mà là sức mạnh của tình đoàn kết gắn bó mọi tầng lớp và cao hơn tất cả đó là sức mạnh của nhân dân.

Như vậy, Nguyễn Trãi đã nhận thức được vai trò của nhân dân ở một mức

rất cao, trước đó và nhiều thế kỷ sau cũng ít người nói được như ông. Nhân dân trong tư tưởng Nguyễn Trãi không chỉ là lực lượng lao động, sản xuất để tạo ra của cải vật chất nuôi sống toàn xã hội, mà họ còn là lực lượng quyết định cuộc kháng chiến và sự tồn vong của dân tộc. Chỉ đến thời Nguyễn Trãi những người lao động nghèo khổ bình dị mới được nhìn nhận, được đánh giá đúng sức mạnh, vị trí và vai trò của họ.

### 2.3. Sự quan tâm đến nhân dân của Nguyễn Trãi

Sự quan tâm đến nhân dân của Nguyễn Trãi được thể hiện ở tư tưởng thân dân. Đây là một triết lý sâu sắc, cốt lõi, bao trùm toàn bộ cuộc đời của ông. Nội dung tư tưởng này được thể hiện trên nhiều khía cạnh: là sự thương dân, vì dân, an dân; là sự khoan dung, độ lượng, nhân nghĩa, là lý tưởng xây dựng đất nước thái bình.

Ngay từ khi còn học hành dùi mài kinh sử, Nguyễn Trãi đã tâm niệm là sống không được để mất lòng dân và phải luôn quan tâm đến đời sống nhân dân:

*Đọc sách thời thông đời nghĩa sách,  
Đem dân tựa nửa mất lòng dân.  
Của chẳng phải đạo làm chi nữa;  
Muôn kiếp nào hề lụy đến thân.*

(Viện Sử học, 1976: 457)

Vì vậy, Nguyễn Trãi đã xác định rõ lý tưởng, trách nhiệm và hành động của mình đối với nhân dân: “Nguyện lấy thang lân chia bốn biển. Vì dân rửa

sạch vết tanh hôi” (Viện Sử học, 1976: 304). Suốt cả cuộc đời, hình ảnh người dân luôn thường trực trong ông. Nguyễn Trãi luôn nung nấu ý chí giải phóng dân tộc, chấm dứt những tháng ngày đau thương cho dân. Đối với ông, yêu nước là yêu dân, cứu nước là cứu dân đang bị quân Minh giày xéo. Muốn giải phóng cho dân thì cần phải xóa bỏ áp bức và bóc lột.

Khi kháng chiến đã kết thúc, “xã tắc do đó được yên”, “non sông do đó đổi mới” và “nền thái bình muôn thủa” đã mở, Nguyễn Trãi hăm hở thực hiện lý tưởng chính trị của mình: xây dựng một chính quyền vì dân, “yên dân”, vì hạnh phúc của nhân dân để “trong thôn cùng xóm vắng không có tiếng hờn giận oán sầu”. Nguyễn Trãi mong muốn một xã hội trên có vua hiền, dưới có tôi giỏi, mọi người đều sống hạnh phúc ấm no, thanh bình bằng sức lao động của chính mình “*Cày ruộng cuốc vườn đều hết khỏe - Tôi Đường Ngu ở đất Đường Ngu*” (Viện Sử học, 1976: 410). Khi tham gia bộ máy chính quyền Lê sơ, ông luôn lấy tư tưởng thân dân làm kế sách chỉ đạo hoạt động thực tiễn của mình và coi đó là tiêu chuẩn của đạo đức và là triết lý cai trị của nhà Lê. Ông tiếp tục đấu tranh với những tư tưởng phản bội lại nhân dân của bọn quan tham “làm nát thiên hạ” như Lê Sát, Lê Ngân để thực hiện cho được mục đích “giản chính, khoan dân”. Nguyễn Trãi mong muốn tất cả quan lại trong bộ máy nhà nước “phải theo phép công bằng, làm việc cần mẫn, thờ vua thì hết trung, đối với

dân thì hết hòa, đổi bỏ thói tham ô, sửa trừ tệ lười biếng, bề đẳng riêng tây phải dứt, thái độ cổ phạm phải chữa. Coi công việc của quốc gia là công việc của mình, lấy điều lo cho dân sinh làm điều lo thiết kỷ” (Viện Sử học, 1976: 199).

Thay mặt vua răn dạy thái tử, Nguyễn Trãi cũng viết: “Phàm những phép giữ nước cầm quân, những phương giữ mình trị nước, thi hành nên cố sức, chăm chỉ chớ ham vui. Hòa thuận tôn người, nhớ giữ một lòng hữu ái; thương yêu dân chúng, nghĩ làm những việc khoan nhân... thì quốc gia mới bền vững lâu dài” (Viện Sử học, 1976: 202-203). Đối với vua Lê Thái Tông, Nguyễn Trãi từng tâu: “Dám mong bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân, khiến trong thôn cùng xóm vắng không còn một tiếng hờn giận oán sầu” (Viện Sử học, 1976: 19). Theo ông, bất kỳ việc gì có quan hệ với nhân dân, triều đình phải xem xét kỹ trước khi quyết định thực hiện. Trong *Chiếu bàn về phép tiền tệ* viết thay Lê Lợi, ông chỉ rõ: “Ai hiểu rõ thời vụ đều bàn bạc về thể lệ dùng tiền, thể nào cho thuận lòng dân, ngõ hầu có thể không đến nỗi lấy điều muốn của một người mà cưỡng ép nghìn muôn người không muốn phải theo, để làm phép hay của một đời” (Viện Sử học, 1976: 195).

Với quan điểm vì dân, an dân, trọng dân và thân dân, lúc nào Nguyễn Trãi cũng một lòng tận trung với nước, tận hiếu với dân. Những gì ông làm, những gì ông nghĩ, những vần thơ,

hay như những chính sách ông đưa ra giúp vua giữ nước, ông đều đặt vị trí của người dân lên hàng đầu. Chính tư tưởng này của Nguyễn Trãi đã làm cho quan niệm của ông, đường lối của ông khác hẳn với những quan niệm Nho gia đương thời, vốn vẫn thường đứng từ góc độ người cai trị để nhìn nhận người dân.

#### **2.4. Đánh giá những giá trị và hạn chế trong tư tưởng của Nguyễn Trãi về nhân dân**

Trước chúng ta hơn sáu trăm năm, tư tưởng về dân của Nguyễn Trãi đã vô cùng sâu sắc và tiến bộ. Tuy là một nhà Nho nhưng Nguyễn Trãi đã thoát ra được những quan niệm về dân của Khổng - Mạnh để đi đến một khái niệm về dân rất khác. Theo Nguyễn Trãi, dân đó là những người “dân đen, con đỏ”, “dân mọn các làng”, “manh lệ”, tức là kẻ cấy cày, kẻ đi ở, kẻ phu xe, là những người trong “thôn cùng xóm vắng”, dân đó là những người “dựng gậy làm cờ”, “bốn phương tụ họp” (Viện Sử học, 1976: 77, 79). Ông không chỉ có tình yêu thương vô bờ bến đối với nhân dân mà còn nhìn thấy được vai trò, sức mạnh của nhân dân. Trước đây, người ta thường coi “bổng lộc” là do nhờ ơn trời và do vua ban, nhưng với Nguyễn Trãi, mọi bổng lộc mà người ta có được chính là do công lao của những người dân lao động mà ra, nên phải biết “đền ơn kẻ cấy cày”. Có thể nói, trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, ông đáng được coi là nhân vật lịch sử có tư tưởng nhân dân cao quý nhất, không

những ông đã vượt trên những người đương thời, bỏ xa những nhân vật lịch sử đi trước, mà còn hơn nhiều nhân vật lịch sử sau đó trong suốt thời kỳ quân chủ.

Bên cạnh những đóng góp có giá trị to lớn, tư tưởng về nhân dân của Nguyễn Trãi vẫn còn một số hạn chế nhất định. Ông tự coi mình là môn đệ của Khổng Tử, nên ít nhiều có tư tưởng duy tâm khách quan khi quan niệm về “trời”, về “thiên mệnh”. Trong tác phẩm *Ức Trai thi tập*, Nguyễn Trãi cho rằng: “Nước thịnh hay suy là ở trời; quân mạnh hay yếu không phải ở nhiều – Nhiên quốc chi thịnh suy nhất quan hồ thiên; binh chi cường nhược bất tại hồ đa” (Viện Sử học, 1976: 528-529; “Đối trời lừa vua rồi bảo rằng trời cao! Lưới trời lồng lộng càng không thể trốn” (Viện Sử học, 1976: 299. Khi nói về cuộc đời của mỗi con người, Nguyễn Trãi cho rằng mọi sự thành bại, giàu sang, phú quý hay đói rách, nghèo hèn của con người cũng đều do mệnh trời sắp đặt: “Nhân sinh vạn vật tổng quan thiên – Đời người muôn việc thủy do trời” (Viện Sử học, 1976: 275); “sang cùng khó bởi chưng trời, lẫn lóc làm chi cho nhọc hơi” (tr. 389). Vậy nên, “m ới biết doanh hư là có số, ai mà cãi được lòng trời” (tr. 424). Nguyễn Trãi còn tin ở việc con người nếu biết tuân theo lẽ trời, mệnh trời thì có thể biến yếu thành mạnh, chuyển bại thành thắng. Ngược lại, nếu con người không theo “ý trời”, “lòng trời” thì có thể “biến thân thiết làm thù địch, chuyển yên thành nguy”

và “tự rước họa vào thân” (Viện Sử học, 1976: 173-175). Như vậy, dù đánh giá cao vai trò của nhân dân thì tư tưởng của ông vẫn chưa vượt qua “thiên mệnh”.

### 3. KẾT LUẬN

Chủ nghĩa yêu nước trên cơ sở vì nước, vì dân của Nguyễn Trãi là tư tưởng mang giá trị trường tồn. Nó không chỉ tạo nên một dấu ấn đặc sắc trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến lý luận và thực tiễn dựng nước, giữ nước của dân tộc. Tư tưởng triết học Nguyễn Trãi về nhân dân đã được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, thể hiện trên 3 bài học: lấy dân làm gốc; đề cao và phát huy vai trò của nhân dân và nâng cao đời sống của nhân dân. Có thể nói, cuộc đời và tư tưởng của Nguyễn Trãi mãi là vàng “sao khuê” soi rọi đến hôm nay. Đúng như nhà nghiên cứu Amadou Mahtar M'bow - Tổng Giám đốc UNESCO (1980) nhận định: “Nhân nghĩa đó đã làm cho những quan niệm của ông về nhân dân trở nên đặc sắc. Nguyễn Trãi đã sớm hiểu dân, thương dân và luôn luôn quan tâm đến những lo lắng của dân. Nguyễn Trãi hết sức kính trọng khả năng sáng tạo của dân, ông thường so sánh khả năng ấy với sức mạnh chở thuyền và lật thuyền của nước... Sáu trăm năm sau, sự thao thức của con người hành động và nhà thơ Nguyễn Trãi cũng là sự thao thức của tất cả những ai yêu tha thiết nhân nghĩa trên trái đất này”. □

**TÀI LIỆU TRÍCH DẪN**

1. M'bow, Amadou Mahtar. 5/1980. *Revue Europe*, No. 613, trong *Nguyễn Trãi về tác gia và tác phẩm*, Nguyễn Hữu Sơn tuyển chọn và giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
2. Phạm Văn Đồng. 1962. “Nguyễn Trãi – người anh hùng dân tộc”, *Báo Nhân dân*, số 3099, ngày 19/9/1962.
3. Viện Sử học. 1976. *Nguyễn Trãi toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.